

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 12/9/2024

V/v Tranh chấp chia tài sản của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Đỗ Cao Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Bé T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Hồ Văn D, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Hồ Vũ D1, sinh năm 2003; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Hồ Văn D (là bị đơn).

- **Kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Năm 2022, ông Hồ Văn D xin ly hôn đối với bà Nguyễn Bé T và đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 156/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022. Kết quả xét xử đã không công nhận ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T là vợ chồng. Đối với tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết.

Do bà Nguyễn Bé T và ông Hồ Văn D không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên bà Nguyễn Bé T đã khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung gồm có một căn nhà trị giá 203.166.592 đồng; một xe máy hiệu Honda Wave S110, biển số 69E1-002.68, xe trị giá 7.600.000 đồng và tranh chấp về quyền sở hữu tài sản có yêu cầu phân chia là phần đất có diện tích 21.091,3m², tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, được thẩm định giá bằng 1.884.040.200 đồng.

Bà Nguyễn Bé T xác định cả 03 loại tài sản trên đều là tài sản chung của bà và ông Hồ Văn D nên yêu cầu chia đôi giá trị nhà và xe. Riêng đối với phần đất thì yêu cầu được chia 30% giá trị đất.

Ông Hồ Văn D chấp nhận chia đôi giá trị nhà và xe theo yêu cầu của bà Nguyễn Bé T. Đối với phần đất thì không chấp nhận chia vì đây là tài sản riêng, do cha mẹ cho trước khi chung sống với bà Nguyễn Bé T. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, ông và bà Nguyễn Bé T nợ Ngân hàng và người khác mà ông phải bán đất, cô đất để trả nợ bằng số tiền 382.000.000 đồng và 04 lượng vàng 24kara nên yêu cầu bà Nguyễn Bé T phải chịu ½ số nợ.

Anh Hồ Vũ D1 xác định phần đất đang tranh chấp trong việc phân chia giữa cha, mẹ anh là ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T thì phần đất này do cha anh cố cho ông Nguyễn Đức G bằng số tiền 440.000.000 đồng. Anh xuất tiền ra chuộc lại đất và cho cha anh là ông Hồ Văn D thuê lại canh tác. Hiện nay chưa hết thời hạn cho thuê theo hợp đồng nên anh chưa yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé T. Chia cho bà Nguyễn Bé T ½ giá trị căn nhà cấp 4 tại ấp P, xã P, huyện C bằng 101.583.296 đồng; ½ giá trị xe máy hiệu Wave S110, biển số 69E1-002.68 bằng 3.800.000 đồng và chia công sức đóng góp tương đương 20% giá trị phần đất 21.091,3m² bằng 376.808.040 đồng. Tổng cộng các khoản bằng 482.191.336 đồng.

Giao cho ông Hồ Văn D được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 21.091,3m² tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau, 01 căn nhà cấp 4 tại ấp P, xã P, huyện C; 01 chiếc xe Wave S110, biển số 69E1-002.68. Ông Hồ Văn D có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Bé T giá trị tài sản được chia bằng số tiền 482.191.336 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/5/2024, ông Hồ Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước kháng nghị một phần bản án sơ thẩm để xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp; xác định lại phần diện tích đất 21.091,3m² là tài sản riêng của ông Hồ Văn D để từ đó điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí của ông Hồ Văn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm về việc chia tài sản chung là nhà ở và xe máy; chia công sức đóng góp cho bà Nguyễn Bé T bằng 20% giá trị phần đất. Sửa một phần án sơ thẩm để xác định lại quan hệ pháp luật và nghĩa vụ chịu án phí đối với ông Hồ Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn D được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước được thực hiện trong thời hạn kháng nghị và đúng thẩm quyền nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật cho thấy: Giữa ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 156/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã không công nhận ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T là vợ chồng. Do đó, việc tranh chấp về chia tài sản giữa ông Hồ Văn D với bà Nguyễn Bé T được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về “Chia tài sản sau ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đúng theo quy định của pháp luật vì giữa ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T không được công nhận là vợ chồng nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung tranh chấp và kháng cáo: Tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia gồm có một căn nhà trị giá 203.166.592 đồng; một xe máy hiệu Honda Wave S110, biển số 69E1-002.68, xe trị giá 7.600.000 đồng và phần đất có diện tích 21.091,3m², tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, có giá trị bằng 1.884.040.200 đồng. Trong đó, nhà và xe gắn máy được các bên đương sự thống nhất xác định là tài sản chung và được hình thành trong thời gian chung sống giữa ông Hồ Văn D với bà Nguyễn Bé T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông Hồ Văn D, bà Nguyễn Bé T mỗi người ½ giá trị tài sản là có căn cứ pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 219 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hồ Văn D cũng thừa nhận nhà và xe là tài sản chung của ông với bà Nguyễn Bé T và ông đồng ý chia cho bà Nguyễn Bé T ½ giá trị tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn D cũng thống nhất việc phân chia như đã nêu trên. Từ

đó, nội dung kháng cáo của ông Hồ Văn D về việc ông không đồng ý chia ½ giá trị nhà và xe cho bà Nguyễn Bé T là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần đất có diện tích 26.672m² tọa lạc ấp P, xã P, huyện C được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 681512 ngày 19/10/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hồ Văn D. Phần đất này tất cả các đương sự đã thống nhất ý kiến là đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Phan Văn B và phần chuyển nhượng này không có ý kiến tranh chấp. Phần diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế là 21.091,3m². Căn cứ vào chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đã cho thấy phần đất có nguồn gốc là của cha, mẹ ông Hồ Văn D cho lại ông Hồ Văn D trước khi bà Nguyễn Bé T về chung sống với ông Hồ Văn D nên không phải là tài sản được hình thành do công sức đóng góp của ông Hồ Văn D với bà Nguyễn Bé T, tài sản hình thành trước thời gian sống chung giữa hai người nên không có căn cứ để xác lập tài sản chung của ông Hồ Văn D với bà Nguyễn Bé T mà là tài sản riêng của ông Hồ Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng thừa nhận là tài sản riêng của ông Hồ Văn D nên yêu cầu giữ y về việc chia công sức đóng góp bằng 20% giá trị phần đất theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào công sức đóng góp của bà Nguyễn Bé T trong việc duy trì phần đất và trong các quan hệ giao dịch dân sự về vay tiền, thế chấp và cầm cố để xác định ông Hồ Văn D đã xác nhập tài sản riêng vào tài sản chung và phân chia tài sản chung theo quy định tại các Điều 33, 46, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình là không đúng với quy định của pháp luật. Nhưng bên cạnh đó, án sơ thẩm cũng nhận định tài sản có công sức đóng góp của bà Nguyễn Bé T trong việc duy trì tài sản để chấp nhận việc chia theo công sức đóng góp tương đương 20% giá trị tài sản theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật Dân sự nên việc nhận định của án sơ thẩm chưa rõ ràng về việc phân chia tài sản chung; tài sản riêng hay phân chia về công sức đóng góp vào khối tài sản cũng như căn cứ pháp luật đã áp dụng.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Bé T có nhiều công sức đóng góp vào việc duy trì phần đất có diện tích 21.091,3m² đang do ông Hồ Văn D đứng tên là phù hợp thực tế. Tuy phần đất này là tài sản riêng của ông Hồ Văn D không phải là tài sản chung và pháp luật cũng quy định về chia tài sản riêng mà chỉ ghi nhận quyền tự định đoạt của người có tài sản riêng. Nhưng trên thực tế thì bà Nguyễn Bé T có nhiều công sức đóng góp vào việc duy trì khối tài sản, duy trì cuộc sống chung. Mặc khác, trong thời gian còn chung sống thì bà Nguyễn Bé T cũng đã cùng với ông Hồ Văn D quản lý, sử dụng đất, lao động tạo thu nhập để trả nợ chung và sau khi không còn chung sống thì bà Nguyễn Bé T là người chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét để chấp nhận chia công sức đóng góp cho bà Nguyễn Bé T, buộc ông Hồ Văn D trích một

phần giá trị tài sản bằng 20% giá trị phần đất để giao lại cho bà Nguyễn Bé T là phù hợp với công sức đóng góp của bà Nguyễn Bé T.

Đối với các khoản nợ do ông Hồ Văn D đặt ra để yêu cầu chia nhưng ông Hồ Văn D không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

Về chi phí đo đạc là 15.771.250 đồng và chi phí thẩm định giá bằng 15.730.000 đồng. Việc đo đạc và thẩm định giá tài sản là cần thiết để làm căn cứ phân chia tài sản chung, chia công sức đóng góp nên ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tổ tụng. Chi phí tổ tụng trên đã được bà Nguyễn Bé T thanh toán xong cho đơn vị đo đạc và thẩm định giá, nên ông Hồ Văn D phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ chi phí tổ tụng cho bà Nguyễn Bé T là phù hợp.

Tuy án sơ thẩm xác định không đúng về quan hệ pháp luật và quyết định của án sơ thẩm không rõ ràng nhưng kết quả của việc phân chia tài sản chung và công sức đóng góp là phù hợp nên không nhất thiết phải sửa án sơ thẩm mà điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với quy định chung. Riêng về nghĩa vụ chịu án phí đối với ông Hồ Văn D thì do phần đất được xác định là tài sản riêng của ông Hồ Văn D, chỉ buộc ông Hồ Văn D trích một phần giá trị tài sản để giao lại cho bà Nguyễn Bé T để nhằm bù đắp công sức đóng góp vào việc duy trì khối tài sản và duy trì cuộc sống chung nên ông Hồ Văn D không phải chịu án phí đối với phần tài sản thuộc sở hữu riêng. Ngoài ra, bà Nguyễn Bé T là người được chia tài sản và lý do hoàn cảnh khó khăn không đủ điều kiện để giảm án phí. Tòa án cấp sơ thẩm giảm 50% án phí cho bà Nguyễn Bé T là không phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Từ đó, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[4] Từ những căn cứ trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (về án phí).

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Bé T và ông Hồ Văn D phải chịu 5% đối với giá trị tài sản được chia. Án phí dân sự phúc thẩm ông Hồ Văn D không phải chịu và được hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (về án phí).

2. Căn cứ Điều 26, khoản 7 Điều 28, Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 205, 206, 219 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Bé T về việc chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại ấp P, xã P, huyện C và một xe máy hiệu Honda Wave S110, biển số 69E1-002.68. Cụ thể như sau: Ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Bé T mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 bằng 101.583.296 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy bằng 3.800.000 đồng. Giao nhà và xe cho ông Hồ Văn D trọn quyền quản lý, sử dụng. Ông Hồ Văn D chịu trách nhiệm giao lại giá trị tài sản được chia cho bà Nguyễn Bé T bằng 105.383.296 đồng (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng).

- Buộc ông Hồ Văn D trích 20% giá trị tài sản là phần đất có diện tích 21.091,3m², tọa lạc ấp P, xã P, huyện C bằng số tiền 376.808.040 đồng giao lại cho bà Nguyễn Bé T (*tiền bù đắp công sức lao động trong việc duy trì tài sản và duy trì cuộc sống chung*).

- Buộc ông Hồ Văn D hoàn trả lại cho bà Nguyễn Bé T $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng bằng 15.750.625 đồng. Phần chi phí tố tụng còn lại 15.750.625 đồng bà Nguyễn Bé T tự chịu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Bé T phải chịu là 23.287.653 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí là 7.786.000 đồng tại các Biên lai thu tiền số 0008354 ngày 03/10/2022 và số 0008420 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, số còn lại phải tiếp tục nộp là 15.501.653 đồng. Ông Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 5.269.165 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Hồ Văn D không phải chịu và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0013170 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Cái Nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương